BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẶNG THẾ SỬU

PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 1 : TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2 : TS. Đoàn Hồng Lê

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, họp tại Đại học Đà Nẵng ngày 31 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
  Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cây Cao su có tên gốc là cây Hêvê (Hévéa) mọc dọc theo sông Amazone ở Nam Mỹ và các vùng kế cận. Vào cuối năm 1840, hạt cao su được lấy ở lưu vực sông Amazone đem sang nước Anh ươm giống rồi trồng ở các nước Nam Á. Cây Cao su được du nhập vào nước ta năm 1897, trải qua hơn 100 năm cây cao su ở Việt Nam đã trở thành cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, khả năng thích ứng rộng, tính chống chịu với điều kiện bất lợi cao và là cây bảo vệ môi trường nên cây cao su được nhiều nước có điều kiện kinh tế - xã hội thích hợp quan tâm phát triển với quy mô diện tích lớn.

Nước ta nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới, có đủ điều kiện thuận lợi cho quá trình sinh trưởng và phát triển cây cao su. Trong những năm gần đây, cây cao su đang trở thành một cây trồng thế mạnh và thu hút được nhiều người trồng bởi giá trị kinh tế to lớn. Nông dân ở các tỉnh trồng nhiều cây cao su cũng giàu lên nhờ cao su. Vị thế của ngành cao su Việt Nam trên thế giới ngày càng được khẳng định, Việt Nam đứng thứ sáu thế giới về diện tích trồng cao su, thứ năm về sản lượng, thứ tư về xuất khẩu và thứ ba về năng suất vườn cây.

Gia lai là tỉnh nằm ở phía bắc Tây Nguyên có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, trong đó phát triển cây cao su được xác định là cây trồng chủ lực bên cạnh các cây trồng như cà phê, hồ tiêu. Sự phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai đã góp phần thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm, định canh định cư đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. ***Tuy vậy thực trạng việc phát triển cao su tiểu điền ở tỉnh Gia lai còn nhiều vấn đề đáng quan tâm đó là: phần lớn diện tích trồng cao su manh mún tự phát thiếu quy hoạch, sự hỗ trợ vốn cho phát triển***

cây cao su tiểu điền còn hạn chế, Gia lai là tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, trình độ tay nghề chưa cao, cán bộ kỹ thuật thiếu, yếu...

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, tôi quyết định chọn đề tài: ***"Phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia Lai"***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phát triển cây cao su tiểu điền.

- Phân tích, đánh giá thực trạng cũng như kết quả, hiệu quả sản xuất và tiêu thụ cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vị nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề kinh tế và quản lý về phát triển cây cao su tiểu điền của các hộ nông dân, trang trại trên địa bàn tỉnh Gia lai.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt không gian: tỉnh Gia lai.

- Thời gian nghiên cứu: Đánh giá thực trạng phát triển cây cao su tiểu điền chủ yếu tập trung vào giai đoạn 2001- 2011, định hướng đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp duy vật biện chứng để xem xét các hiện tượng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

- Phương pháp phân tổ thống kê để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh cây cao su.

- Phương pháp thu thập số liệu có liên quan đến đề tài. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các Tập đoàn cao su, chính quyền và các

ban ngành địa phương tỉnh Gia Lai.

- Phương pháp đánh giá, so sánh hiệu quả kinh tế

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài được chia làm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển cây cao su tiểu điền.

Chương 2: Thực trạng phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai.

Chương 3: Giải pháp phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai trong thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đề tài dựa trên cơ sở các công trình đã nghiên cứu và các bài viết liên quan

- Phân tích ngành hàng cao su trên địa bàn tỉnh Kon Tum của tác giả Nguyễn Quang Hoà, luận văn thạc sỹ kinh tế nông nghiệp, Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

- Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

- Quyết định số 871/QĐ-UBND, ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

- Dự án đa dạng hoá nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT (2004), *Hướng dẫn về phát triển cao su tiểu điền trong Dự án đa dạng hoá nông nghiệp, Hà Nội.*

- Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2009), *Kinh tế Phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- Viện Nghiên cứu cao su Việt Nam, Tập đoàn cao su Việt Nam (2011), *Báo cáo chuyên đề: Quan niệm và vai trò vị trí của cây cao su*, Hà Nội.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN

1.1. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA CÂY CAO SU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

1.1.1. Đặc điểm của cây cao su tiểu điền

a. Đặc điểm sinh học

Trong sản xuất người ta trồng cây cao su với mật độ từ 400-571 cây/ha, chia làm 2 thời kỳ:

- *Thời kỳ kiến thiết cơ bản (KTCB):* Thời kỳ kiến thiết cơ bản của cây cao su là 7 năm, tính từ lúc trồng mới là năm đầu tiên.

- *Thời kỳ kinh doanh (TKKD):* Là khoảng thời gian cây bắt đầu cho mủ, cây cao su được khai thác khi cây có vanh thân đạt 50cm trở lên đo cách mặt đất 1m, thời kỳ kinh doanh có thể kéo dài từ 25-30 năm.

b. Đặc tính của mủ cao su

Mủ nước là sản phẩm chính thu được từ mủ cao su. Mủ cao su là một chất lỏng phức hợp, thành phần chủ yếu là nước từ 52-70%, protein 2-3%, acid béo và dẫn xuất 1-2%, glucid và heterosid khoảng 1%, khoáng chất 0,3-0,7%.

1.1.2. Vai trò và giá trị kinh tế của cây cao su

Cao su là nguyên vật liệu có vai trò quan trọng hàng đầu với hơn 50.000 công dụng được ứng dụng vô cùng rộng rãi trong công nghiệp cũng như trong đời sống hàng ngày.

Ngoài sản phẩm chính là mủ, nguồn gỗ từ việc chặt bỏ cây cao su già cỗi để trồng mới là một nguồn thu đáng kể.

1.1.3. Phát triển cây cao su đại điền và cây cao su tiểu điền

Hiện nay ở nước ta việc phát triển cây cao su dựa vào hai mô hình phát triển sản xuất cây cao su, đó là cao su đại điền(cao su quốc doanh) và cao su tiểu điền

a. Phát triển cây cao su đại điền

Mô hình phát triển sản xuất cây cao su trên diện tích đất được

Nhà nước giao hoặc cho thuê, việc phát triển sản xuất được thực hiện bởi các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc Nhà nước (hay gọi là cao su Quốc doanh)

Mô hình tổ chức phát triển sản xuất tập trung, được chuyên môn hóa cao, sử dụng nhiều tài nguyên đất đai (diện tích đất lớn) và lao động.

b. Phát triển cây cao su tiểu điền

Mô hình phát triển sản xuất cây cao su trên diện tích đất tự có thuộc sở hữu của các hộ nông, các cá nhân và các loại hình doanh nghiệp tư nhân và tổ chức tham gia trồng cao su, diện tích phát triển sản xuất thường từ một vài hécta đến vài chục héc ta.

Mô hình tổ chức sản xuất dưới dạng nông hộ hoặc trang trại

1.1.4. Ý nghĩa của việc phát triển cây cao su tiểu điền

Bên cạnh việc phát triển cây cao su đại điền với quy mô lớn theo chủ trương Nhà nước của các Tập đoàn, Tổng Công ty…, thì việc phát triển cây cao su tiểu điền có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với các hộ dân về mặt hiệu quả kinh tế và xã hội

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN

1.2.1. Nội dung phát triển cây cao su tiểu điền

Dựa trên cơ sở lý luận về phát triển kinh tế, chúng ta có thể quan niệm phát triển cây cao su là sự gia tăng về quy mô, sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu cây trồng, cơ cấu chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế - xã hội. Như vậy, phát triển cây cao su bao hàm cả sự biến đổi về số lượng và chất lượng.

- Sự phát triển về mặt lượng cây cao su tiểu điền là việc làm gia tăng quy mô diện tích cây trồng (thông qua khai hoang, phục hóa), gia tăng số lượng lao động, gia tăng vốn đầu tư...

- Sự phát triển cây cao su tiểu điền về mặt chất là nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất cao su và gia tăng sự đóng góp sản

xuất cao su cho kinh tế xã hội của địa phương.

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển cây cao su tiểu điền

a. Nhóm chỉ tiêu phản ánh về mặt lượng

b. Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế cây cao su tiểu điền

c. Nhóm chỉ tiêu phản ánh đóng góp của cây cao su tiểu điền vào phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN

1.3.1. Nhóm yếu tố về điều kiện tự nhiên

a. Đất đai

b. Độ dốc

c. Độ sâu tầng đất

d. Khí hậu nhiệt độ

e. Lượng mưa và độ ẩm

f. Gió

g. Giờ chiếu sáng, sương mù

h. Khả năng chịu hạn

i. Khả năng chịu úng

1.3.2. Nhóm yếu tố về điều kiện kinh tế - xã hội

a. Tăng trưởng kinh tế

b. Lao động

c. Cơ sở hạ tầng

1.3.3. Các chính sách của Nhà nước về phát triển cây cao su

a. Chính sách về đất đai

b. Chính sách về vốn

c. Chính sách về chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su

1.3.4. Yếu tố thị trường

a. Giá cả

b. Nhu cầu

c. Sự cạnh tranh

1.3.5. Điều kiện sản xuất

a. Đất đai

b. Vốn

c. Trình độ sản xuất

d. Yếu tố kỹ thuật

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN Ở ẤN ĐỘ VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1.4.1.Kinh nghiệm phát triển cây cao su tiểu điền ở Ấn Độ

Ấn Độ là một trong những nước có diện tích cao su do tiểu điền quản lý lớn nhất. Cho đến nay, ngành cao su Ấn Độ đã thu được 2 thành tựu quan trọng là năng suất cao nhất về sản lượng trên 1 đơn vị diện tích và giá bán cao su tại vườn cây của tiểu điền cũng đạt mức cao nhất. Số liệu năm 2008 cho thấy năng suất vườn cây của Ấn Độ đạt cao nhất trong các nước, 1.896 kg/ha so với các nước khác như Thái Lan chỉ 1.706 kg/ha, VN 1.660 kg/ha, Malaysia 1.430 kg/ha.

Ấn Độ được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhà nước trong việc phát triển ngành cao su, điển hình là các tổ chức Nhà nước được thành lập từ cấp Chính phủ.

1.4.2. Mô hình trồng cây cao su tiểu điền ở Quảng Bình

Anh Bế Van Mai trồng thêm dưa hấu xen giữa cao su để "lấy ngắn nuôi dài". Trải qua 4 tháng vật lộn cùng mưa nắng, cây dưa hấu phù hợp với vùng đất, cho quả to, tròn và ngọt, nên tiêu thụ rất nhanh.

Hiện nay vườn cao su của anh Mai đã chính thức đi vào khai thác. Mỗi năm tổng thu nhập của gia đình anh khoảng trên dưới 1 tỷ đồng từ cao su.

1.4.3. Kinh nghiệm ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Qua thực tiễn, cây cao su sẽ phát triển ở khu vực miền núi phía Bắc, góp phần giải quyết công ăn việc làm, phát triển kinh tế-xã cho người dân nơi đây như mong muốn của Chính phủ.

1.4.4. Một số bài học kinh nghiệm về phát triển cây cao su tiểu điền

Từ kinh nghiệm của Ấn độ và các địa phương như đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số bài học bổ ích cho tỉnh Gia lai như sau:

- ***Một là:*** Việc lựa chọn giống cây trồng trong phát triển cao su tiểu điền phải căn cứ vào điều kiện đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh.

- ***Hai là:*** Bà con nông dân cần học tấp tốt các mô hình trồng xen canh cây cao su với một số cây trồng ngắn ngày như sắn, lạc, dưa....

- ***Ba là:*** Để phát triển cây cao su tiểu điền, việc đầu tư hợp lý đối với cây cao su trên từng loại đất, từng loại hộ … ,để tăng hiệu quả sản xuất từ các vườn cây cao su của hộ gia đình, tìm cách huy động vốn như tranh thủ các nguồn vốn của Nhà nước, nguồn vốn của các dự án và một số nguồn vốn khác.

- ***Bốn là:*** Muốn phát triển cây cao su tiểu điền một cách bền vững, các cơ quan ban ngành có chức năng cần quy hoạch vùng trồng cao su hợp lý, gắn phát triển cây cao su tiểu diền với cao su đại điền và mạng lưới sơ chế cao su ở địa phương để đảm bảo vùng nguyên liệu cho nhà máy.

- ***Năm là:*** Sự hỗ trợ của Nhà nước về kỹ thuật, nhất là kỹ thuật trồng mới. Kỹ thuật thâm canh là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của cây cao su.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.1. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU VÀ CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Diện tích cao su phát triển nhanh ở tất cả các thành phần kinh tế, trong đó cao su quốc doanh có vai trò rất lớn trong việc chuyển

giao kỹ thuật về giống, trồng, chăm sóc và chế biến cao su. Trên địa bàn đã hình thành được mạng lưới cao su đại điền phân bố rộng khắp trên các huyện trọng điểm cao su; đây là tiền đề quan trọng tạo điều kiện cho cao su tiểu điền dưới dạng nông hộ và trang trại cùng phát triển.

2.1.1. Quy mô diện tích cao su đã trồng theo địa bàn và hình thức quản lý

Bảng 2.1: Diện tích cao su đã trồng đến năm 2012 trên địa bàn Gia lai

ĐỊA BÀN	Tổng Diện tích (ha)	Cao su quốc doanh (ha)	Cao su tiểu điền (ha)
	102.993	82.718	20.275
1. TP Plei Ku	1.050	1.050	247
2. Huyện Đắk Đoa	8.266	5.781	2.485
3. Huyện Chư Pah	5.073	3.464	1.609
4. Huyện Ia Grai	15.012	12.127	2.885
5. Huyện Mang Yang	6.821	5.257	1.564
6. Huyện Đức Cơ	19.588	17.588	2.000
7. Huyện Chư Prông	21.263	18.410	2.853
8. Huyện Chư Sê	13.555	10.583	2.972
9. Huyện Kbang	3.748	2.199	1.549
10. Huyện Ia Pa	2.759	1.750	1.009
11.Huyện Phú Thiện	1.870	1.370	500
12.TX Ayun Pa	2.201	1.901	300
13.Huyện Krông Pa	1.538	1.238	300

Quy mô diện tích cao su theo các loại hình kinh doanh như sau

a.Diện tích cao su quốc doanh: 82.718 ha(tỷ trọng 80%), gồm

- Công ty TNHH MTV cao su Chư Pảh : 9.607 ha
- Công ty TNHH MTV cao su Chư Prông : 8.234 ha

- Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê : 6.995 ha
- Công ty TNHH MTV cao su Mang Yang : 8.589 ha
- Binh đoàn 15 : 49.026 ha
- Công ty cà phê Ia Sao : 268 ha

b.Cao su tiểu điền: 20.275 ha(tỷ trọng20 %); gồm

- Cao su phát triển dưới hình thức trang trại: Số trang trại trồng cao su trên địa bàn toàn tỉnh là 113 trang trại; (trong đó: Thành phố Plei Ku: 1 trang trại; Đắk Đoa: 46 trang trại; Chư Pah: 8 trang trại; Ia Grai: 7 trang trại; Mang Yang: 3; Đức cơ: 19 trang trại; Chư prông: 25 trang trại; Chư Sê: 4 trang trại); với 1.650 ha đất trồng cao su

- Cao su nông hộ: Tổng số hộ có diện tích trông cao su trên địa bàn là 4.283 hộ; (trong đó: Thành phố Plei Ku: 24 hộ; Huyện Kbang: 2 hộ; Đắk Đoa: 1.672 hộ; Chư Pah: 405; Ia Grai: 180 hộ; Mang Yang: 521 hộ; Kông Chro: 2 hộ; Đức cơ: 483 hộ; Chư prông: 479 hộ; Chư Sê: 306 hộ; Ia Pa: 2 hộ; Ayun Pa: 2 hộ; Krông Pa: 4 hộ); với 7.339 ha đất trồng cao su

- Các doanh nghiệp tư nhân và tổ chức tham gia trồng cao su: Toàn tỉnh hiện có 13 doanh nghiệp và tổ chức tham gia trồng cao su đại điền; với tổng diện tích cao su 14.424 ha; gồm: Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai; Công ty cổ phần Quốc Cường; Tập đoàn Đức Long; Công ty trách nhiệm hữu hạn Phúc Cường; Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhật Minh; Công ty cổ phần trồng rừng; Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức; Đoàn thanh niên lập nghiệp; Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàn Mỹ

2.1.2. Tình hình về diện tích khai thác, năng suất và sản lượng mủ cao su tiểu điền

a.Năng suất mủ cao su tiểu điền cả nước một số năm gần đây

Gia Lai hiện tại đứng hàng thứ 3 so với 21 tỉnh thành cả nước

về sản xuất cao su *(kể cả diện tích và sản lượng)*; riêng năng suất ở mức trung bình chung của Tây Nguyên, đứng sau 7 tỉnh Đông Nam Bộ và sau Đắk Lắk, Đắk Nông.

Bảng 2.2: Năng suất mủ cao su tiểu điền cả nước một số năm gần đây (2008-2011)

ĐVT: tạ/ha (mủ khô)

Địa phương	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
TRUNG BÌNH CẢ NƯỚC	14,1	15,6	16,1	16,6
1. Vùng Bắc Trung Bộ	9,7	10,8	12,0	11,9
2. D.Hải Nam Trung Bộ		5,0	7,0	6,88
3. Vùng Tây Nguyên	12,3	13,1	13,6	13,7
Trong đó: Kon Tum	9,9	9,6	10,2	12,2
Gia Lai	13,6	13,3	13,0	14,0
Đắk Lắk	10,8	14,2	17,1	16,5
Đắk Nông	10,0	14,8	16,4	14,3
4. Vùng Đông Nam Bộ	14,9	16,6	17,1	17,9

Nguồn: Thống kê Nông Lâm Thủy sản Việt Nam - Năm 2011

b.Tình hình về diện tích khai thác, năng suất và sản lượng mủ cao su tiểu điền cao su tiểu điền trên địa bàn

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai không ngừng tăng trưởng về diện tích, năng suất và sản lượng mủ thành phẩm, góp phần tăng thu nhập cho các nông hộ trên địa bàn

Bảng 2.3: Diện tích khai thác, năng suất và sản lượng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Diện tích khai thác(ha)	5.437	6.455	8.531	10.463
2. Năng suất bình quân (tấn/ha)	1,33	1,30	1,40	1,45
3. Sản lượng(tấn khô)	7.231	8.391	11.943	15.171

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Gia lai-Năm 2012

2.1.3. Lao động và thu nhập của người lao động sản xuất cao su trên địa bàn

a. Lao động tham gia sản xuất cao su

Tổng số lao động tham gia sản xuất cao su : 43.882 người

Trong đó:

Lao động quản lý của các doanh nghiệp : 741 người

Lao động trực tiếp trồng và chăm sóc cao su: 42.983 người

Lao động chế biến S.phẩm cao su và platic :158 người

Tương đương tổng số hộ : 9.930 hộ

Ngành sản xuất cao su đã đóng góp giải quyết một phần rất lớn về việc làm cho người lao động, chiếm 11,2% trong tổng số 393.356 lao động nông lâm nghiệp của cả tỉnh.

b. Thu nhập của người lao động sản xuất cao su tiểu điền

Số liệu tổng kết của các doanh nghiệp Quốc doanh năm 2011 cho thấy thu nhập bình quân của người lao động sản xuất cao su tiểu điền là 6,5 - 7triệu đồng/người/tháng. Cao hơn nhiều so với mức thu nhập bình quân chung của lao động các ngành tại Gia Lai là 2,959 triệu đồng/người/tháng và cao hơn nhiều mức bình quân chung về thu nhập của người lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp của tỉnh Gia Lai là 2,61 triệu đồng/người/tháng *(số liệu niên giám thống kê - năm 2010)*

2.2. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT VỀ GIỐNG, KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN MỦ CAO SU TIỂU ĐIỀN

2.2.1. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống

Giống cao su hiện có rất nhiều loại, tuy nhiên không nhất thiết phải trồng tất cả các giống cao su có năng suất mủ cao trên tất cả các loại đất

Bảng 2.4: Sản lượng mủ cao su trên các loại đất

Đất / Giống	Sản lượng theo hạng đất *(kg/ha)*			
	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4
RRIM 600	1.736	1.248	1.290	897
RRIM 605	1.522	1.234	1.118	690
GT1	1.452	1.349	1.102	984
PB5/51	1.270	1.234	1.125	872
B.Quân giống	1.495	1.266	1.159	861

Nguồn: Thống kê Nông Lâm Thủy sản Việt Nam - Năm 2011

2.2.2. Khai thác mủ cây cao su

Việc khai thác mủ cao su trước hết phải đảm bảo cây cao su đủ tuổi từ 6 đến 7 năm trở lên. Đối với khai thác mủ cao su cần áp dụng tuyệt đối quy trình D3 *(tức 1 ngày cạo, 3 ngày nghỉ)*.

2.2.3. Thực trạng chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai

a. Quy mô nhà máy và chủng loại sản phẩm

Gia Lai hiện có 7 nhà máy sơ chế mủ cao su. Sản phẩm mủ thu từ cây cao su tiểu điền của các hộ dân được vận chuyển tới bán trực tiếp cho các nhà máy chế biến hoặc thông qua các thương lái(đại lý) để bán lại cho các nhà máy chế biến trên địa bàn.

Bảng 2.5: Các nhà máy sơ chế mủ cao su trên địa bàn tỉnh Gia lai

ĐVT: tấn/năm

Nhà máy	Địa điểm	CS TK (T/n)
TỔNG CỘNG		41.000
I. NM thuộc CTCS Chư Prông		10.500
1. Dây chuyền chế biến mủ cốm	Ia Boong - Chư Prông	3.000
2. Dây chuyền chế biến mủ cốm	Ia Boong - Chư Prông	4.500

3. Dây chuyền chế biến mủ ly tâm	Ia Drăng - Chư Prông	3.000
II. NM thuộc CTCS Chư Sê		13.500
4. Dây chuyền chế biến mủ cốm	Xã Ia Glai - H Chư Sê	13.500
III. NM thuộc CTCS Mang Yang		9.000
5. Dây chuyền chế biến mủ cốm	Xã K'Dang - Đắk Đoa	9.000
IV. NM thuộc CTCS Chư Pah		8.000
6. Dây chuyền chế biến mủ cốm	TT. Phú Hòa - Chư Pah	3.500
7. Dây chuyền chế biến mủ ly tâm	Xã Ia Dêr - H.Ia Grai	4.500

Nguồn: Báo cáo của các doanh nghiệp chế biến cao su - Năm 2011

b. Dây chuyền công nghệ và chất lượng sản phẩm

Thiết bị của các nhà máy chế biến hầu hết nhập từ Malaixia, được đánh giá ở mức trung bình tiên tiến; riêng dây chuyền chế biến mủ Latex khá hiện đại.

Chế biến cao su ở nước ta nói chung và Gia Lai chủ yếu là chế biến mủ khô (sơ chế), còn việc sản xuất các sản phẩm từ cao su chiếm tỷ trọng nhỏ (cả nước chỉ có khoảng 10%), chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

2.3. KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN CỦA CÁC NÔNG HỘ

2.3.1. Kết quả và hiệu quả sản xuất cao su tiểu điền hàng hóa

a. Kết quả sản xuất cao su tiểu điền hàng hóa của các hộ

Qua số liệu được thể hiện ở bảng 2.11 ta thấy: năm thứ hai năng suất bình quân của các vườn cây tăng 9 tạ/ha so với năm đầu khai thác và đến năm thứ 3 (tăng 4 tạ/ha so với năm 2) đến năm 4 tăng so với năm 3 là 14 tạ/ha.

Bảng 2.11: Kết quả sản xuất cao su tiểu điền hàng hóa của các hộ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	N4/N3	
						+/-	%
Diện tích BQ hộ	Hộ/ha	1,56	1,56	1,56	1,56	-	-
Năng suất	Tạ/ha	27	36	40	54	14	35
Sản lượng	Tạ/hộ	42,12	56,16	62,4	84,24	21,84	35
Giá mủ	1.000đ/tạ	900	1.100	1.400	1.700	300	21,4
Giá trị SXBQ	1.000 đ/ha	24.300	39.600	56.000	91.800	35.800	64
	1.000 đ/hộ	37.908	61.776	87.360	143.208	55.848	64

Nguồn: Sở NN&PTNT tỉnh Gia lai, số liệu năm 2011

b. Hiệu quả sản xuất cao su tiểu điền hàng hóa của các nông hộ

Để đánh giá hiệu quả sản xuất cao su tiểu điền của các nông hộ, chúng ta tiến hành phân tích số liệu ở bảng 2.12.

Qua bảng số liệu ta thấy rằng năm thứ nhất bình quân 1ha cao su thu được 24,3 triệu đồng trong khi đó chi phí trung bình cho 1ha năm cạo mủ thứ nhất 3,9 triệu đồng, trung bình 1 đồng chi phí bỏ ra tạo được 6,23 đồng giá trị sản xuất.

Bảng 2.12: Hiệu quả sản xuất trên một ha cao su tiểu điền hàng hóa

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Kiến thiết cơ bản							Kinh doanh			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng cp (TC)	6.479,4	3.488,7	2.084,5	2.000,5	1.910,5	1.910,5	1.910,5	3.890	5.005	8.288	10.536
PV của TC	6.479	3.165	1.717	1.495	1.296	1.176	1.067	1.971	2.301	3.458	3.989
Tích lũy TC	6.479	9.644	11.361	12.856	14.152	15.328	16.395	18.366	20.667	24.125	28.114
GO	-	-	-	-	-	-	-	24.300	39.600	56.000	91.800
PV của GO	-	-	-	-	-	-	-	12.312	18.207	23.364	34.756
Tích lũy của GO	-	-	-	-	-	-	-	12.312	30.519	53.883	88.639
NPV	-	-	-	-	-	-	-	(-6.054)	9.852	29.758	60.525
B/C								6,3	7,9	6,7	8,7

Nguồn: Sở NN&PTNT tỉnh Gia lai, số liệu năm 2011

2.3.2. So sánh hiệu quả kinh tế - xã hội của cao su tiểu điền với một số cây trồng khác

a. Hiệu quả kinh tế

Bảng 2.13: Hiệu quả kinh tế cây cao su tiểu điền so với một số cây trồng khác trên 01 ha, trên cùng một loại đất đai (đất đỏ bazan)

Loại Cây trồng	Chỉ tiêu xem xét				
	Sản lượng (tấn/ha)	GTS.Lượng (Tr.đ)	Chi phí (Tr.đ)	Lợi nhuận (Tr.đ)	Suất đầu tư (Tr.đ)
1. Cà phê	2,5	50,0	20,4	29,6	65
2. Tiêu	3,0	66,0	31,6	34,4	157
3. Cao su	1,5	30,0	6,31	23,7	81
4. Điều	0,9	12,0	4,5	7,5	14
5. Sắn	13,0	13,0	4,7	8,3	
6. Mía	50,0	18,0	10,2	7,8	
7. Ngô	4,0	22,0	13,2	8,8	

Nguồn: điều tra của Phân viện Quy hoạch & TKNN Miền Trung

b. Hiệu quả xã hội

Sản xuất cao su đóng góp giải quyết một phần rất lớn về việc làm cho người lao động; hiện tại lao động trong ngành sản xuất cao su chiếm 11,2% trong tổng số 393.356 lao động nông lâm nghiệp của cả tỉnh, tương lai sẽ có khả năng thu hút 40.000 lao động, tương đương khoảng 8.000 hộ gia đình. Đây là vấn đề rất quan trọng để tạo việc làm cho người lao động đặc biệt đối với vùng sâu vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nơi mà công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ còn kém phát triển.

2.4.CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.4.1. Các chính sách phát triển cây cao su và cây cao su tiểu điền

a.Chủ trương của Quốc Gia

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nên các loại hình sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp nông thôn nước ta nói chung và tỉnh Gia Lai nói riêng đã có những bước tiến đáng kể. Mỗi người nông dân, cá nhân hay hộ gia đình có đủ điều kiện đều có thể tham gia vào nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống gia đình.

b. Chủ trương phát triển cây cao su của Tỉnh Gia Lai

Quyết định số 871/QĐ-UBND, ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, theo đó trên địa bàn tỉnh Gia lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 quy hoạch phát triển 66.457ha cao su tập trung(đại điền) và 25.210 ha cao su tiểu điền từ diện tích đất rừng tự nhiên

c. Kế hoạch phát triển cây cao su của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đến 2010 và định hướng năm 2020

Theo đó, trong kế hoạch từ nay đến năm 2020, Hiệp hội Cao su Việt Nam sẽ phát triển thêm 180.000 ha cao su tiểu điền, đưa tổng diện tích cao su tiểu điền của cả nước lên 350.000 ha (chiếm 50% tổng diện tích cao su của cả nước).

2.4.2. Thị trường đầu vào và đầu ra cho phát triển cây cao su tiểu điền

a. Thị trường các yếu tố đầu vào

Giá phân bón và thuốc bảo vệ thực vật biến động làm chi phí đầu tư của nông hộ biến động theo, khi giá phân bón quá cao làm

mức độ đầu tư cho cây cao su thường ít đi sẽ ảnh hưởng đến tình hình sinh trưởng, phát triển cũng như khả năng cho mủ sau này của cây cao su.

b. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Kênh tiêu thụ cao su của các hộ nông dân đi theo ba hướng chính sau

+ Hướng thứ 1: Hộ trồng cao su-Thương lái-Xuất khẩu

Các hộ nông dân sản xuất cao su mủ tươi được Thương lái ngoài tỉnh thông qua người thu gom để mua sản phẩm cao su mủ tươi sau đó đem đến thị trường xuất khẩu hoặc cung cấp sản phẩm cho các nhà máy chế biến ngoài tỉnh.

+ Hướng thứ 2: Hộ trồng cao su-Thương lái-Cơ sở chế biến-Xuất khẩu

Sản phẩm mủ tươi của người dân sản xuất được Thương lái thu gom và cung cấp cho các cơ sở chế biến trong tỉnh, sau đó các cơ sở chế biến này tổ chức sơ chế và cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp thu mua ngoài tỉnh.

+ Hướng thứ 3: Hộ trồng cao su-Cơ sở chế biến- Xuất khẩu

Sản phẩm cao su sản xuất ra từ các hộ nông dân được cung ứng trực tiếp cho các cơ sở chế biến, các cơ sở chế biến thực hiện việc sơ chế sau đó cung cấp sản phẩm mủ cao su qua sơ chế cho các doanh nghiệp thu mua ngoài tỉnh để cung cấp cho xuất khẩu. Kênh tiêu thụ của nông hộ thể hiện ở sơ đồ 2.1

Sơ đồ 2.1: Các kênh phân phối sản phẩm cao su

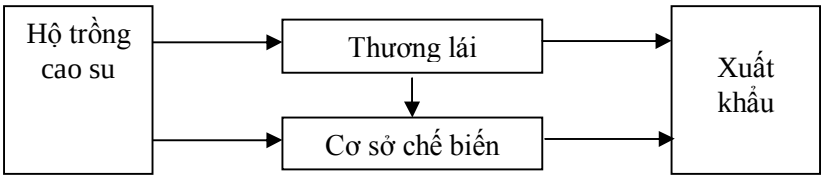

2.4.3. Điều kiện sản xuất của các nông hộ

a. Tổ chức sản xuất

b. Quy mô diện tích đất

c. Năng lực về vốn

d. Trình độ chuyên môn

e. Mức độ đầu tư thâm canh

g. Nhân tố lao động

2.5. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.5.1. Thuận lợi

- Nông dân tham gia Dự án nhận được sự hỗ trợ khẩn trương tích cực về chủ trương và chính sách phát triển cao su tiểu điền từ cấp tỉnh, huyện, xã.

- Được sự hướng dẫn trực tiếp về kỹ thuật trồng mới và chăm sóc thông qua Tổ Khuyến nông cao su cùng đội ngũ Nông Dân Chủ Chốt được đào tạo và cơ cấu theo diện tích tại các địa bàn.

- Tầm nhận thức làm kinh tế hộ gia đình, tiếp thu khoa học kỹ thuật được nông dân từng bước cải thiện, trông rộng và có tầm nhìn xa.

2.5.2. Khó khăn

- Do công tác quy hoạch vùng trồng cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai chưa được quan tâm đúng mức dân đến: diện tích trồng cao su tiểu điền nhỏ, manh mún ảnh hưởng đến việc trồng, chăm sóc và vận chuyển tiêu thụ của các hộ dân trồng cao su tiểu điền.

- Các điều kiện về tiếp cận nguồn vốn vay còn gặp nhiều khó khăn về : thủ tục sổ đỏ thế chấp, mức vay thấp, thời hạn ngắn không theo chu kỳ kinh doanh của cây cao su nên thời gian gần đây có một số hộ, họ không vay vốn, khả năng nguồn vốn tự có của họ đầu tư cho vườn cây chưa thật sự đảm bảo và bền vững.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN Ở TỈNH GIA LAI TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1. CĂN CỨ ĐỂ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.11. Quan điểm về phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai

a. Coi cây cao su là một cây trồng chủ lực

Quán triệt quan điểm này, đòi hỏi Nhà nước cần có chiến lược đầu tư toàn diện cho cây cao su ở tất cả các khâu: khâu giống, đầu tư phân bón, tập huấn kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vu cho phát triển cây cao su bền vững.

b. Chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu quyết định sự phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị

c. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của ngành cao su

Để cây cao su có thể trở thành cây trồng chủ lực của tỉnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân thì vai trò của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương là rất quan trọng.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển cây cao su tiểu điền tại tỉnh Gia lai

a. Định hướng

Tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào việc trồng và tiêu thụ cao su; đặc biệt chú trọng phát triển cây cao su tiểu điền gắn với các diện tích cao su đại điền để thuận lợi cho việc chăm sóc và tiêu thụ sản phẩm

- Ưu tiên phát triển cây cao su tiểu ở các vùng sâu, vùng xa nhằm giải quyết việc làm và thu nhập cho những nơi người lao động còn khó khăn và đồng bào thiểu số.

- Hình thành kênh tiêu thụ hợp lý nhằm giảm thiểu chi phí,

nâng cao thu nhập cho người sản xuất và người tham gia lưu thông.

b. Mục tiêu phát triển

- Diện tích cao su tiểu điền khai thác đến năm 2015 đạt: 20.000 ha và đến năm 2020 là 35.000 ha

- Năng suất mủ bình quân tăng từ 1,45 tấn/ha năm 2012 và đạt trên 1,5 tấn/ha vào năm 2015 trở đi.

- Sản lượng mủ cao su tiểu điền đạt 30.000 tấn vào năm 2015 và đạt 52.500 tấn vào năm 2020.

- Giá trị sản xuất cao su tiểu điền đạt 900 tỷ đồng vào năm 2015 và 1.575 tỷ đồng năm 2020.

- Giải quyết việc làm cho hơn 20.000 lao động và thu nhập bình quân đầu người 12 triệu đồng/người/tháng vào năm 2015.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.2.1. Hoàn thiện quy hoạch phát triển trồng cao su theo hướng

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại về trồng cao su tiểu điền

- Gắn quá trình trồng cao su tiểu điền (Nông hộ, trang trại) với các doanh nghiệp trồng cao su đại điền

- Điều chỉnh chỉ tiêu về diện tích trồng cao su đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảm bảo sử dụng tài nguyên đất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả

- Đối với các vùng cây sẽ được hình thành trong thời gian tới, cần xây dựng phương án quy hoạch chi tiết, cụ thể cho từng khu vực

3.2.2. Giải pháp về đất đai

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thuê đất, tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân

- Tiếp tục rà soát quỹ đất do các nông, lâm trường quốc doanh đang quản lý, sử dụng kém hiệu quả giao lại cho địa phương quản lý, từ

đó có thể giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân.

3.2.3. Giảp pháp về lao động

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số sống tại địa phương, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, cần có chính sách hỗ trợ trong việc đào tạo tay nghề để thu hút được nhiều người vào làm việc tại nông trường, công ty và các cơ sở công nghiệp chế biến ngành cao su.

3.2.4. Giải pháp về vốn

- Thành lập quỹ tín dụng đầu tư phát triển riêng cho sản xuất cao su

- Các tổ chức tín dụng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc vay vốn đối với phát triển cao su tiểu điền

- Phối hợp với các chương trình, dự án khuyến nông, nguồn vốn giải quyết việc làm để cho vay phát triển cây cao su

- Tận dụng vốn Ngân sách hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, in ấn tài liệu phục vụ cho đề án trồng cao su tiểu điền

- Tranh thủ các nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Chính sách, Quỹ hỗ trợ đầu tư, Quỹ giải quyết việc làm.

- Các hộ nhân dân tham gia phát triển cao su tiểu điền nguyên liệu được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước.

- Chính quyền cấp xã, huyện cần có kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhanh chóng nhằm tạo điều kiện để các hộ gia đình tiến hành vay vốn kịp thời vụ.

3.2.5. Giải pháp về kỹ thuật, công nghệ

- Cần phải tăng cường công tác tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật và cung cấp thông tin thị trường cây cao su cho người dân bằng những cách làm cụ thể

- Xây dựng mạng lưới khuyến nông từ tỉnh đến huyện và xã về việc lựa chọn giống, giải pháp trồng, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su

3.2.6. Giải pháp về cơ sở hạ tầng

- Xây dựng một hệ thống giao thông thuận tiện cho việc đi lại từ nơi dân cư sinh sống đến những vườn cao su để giúp cho những hộ gia đình giảm bớt khó khăn và tiết kiệm chi phí trong khâu vận chuyển nguyên liệu cũng như sản phẩm.

- Đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu ...

3.2.7. Giải pháp về tiêu thụ

- Đảm bảo chuỗi cung thị trường ổn định từ người sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng.

- Tổ chức hệ thống phân phối, tổ chức tốt khâu thu mua, mở rộng mối quan hệ với các cơ sở chế biến, các cơ sở tiêu thụ sản phẩm.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với chính quyền

- Tỉnh cần có quy hoạch chi tiết đối với quỹ đất dự kiến phát triển cao su trong thời gian tới, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển cao su.

- Nhà nước cần phải tích cực hoàn thiện các chính sách, chế độ về đầu tư phát triển cây cao su nhằm khuyến khích, động viên nhiều thành phần kinh tế tham gia vào việc phát triển mô hình này một cách có hiệu quả hơn.

- Cần đẩy mạnh công tác khuyến nông, đào tạo các cán bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác vườn cây cao su theo từng giai đoạn kỹ thuật .

- Đẩy mạnh phát triển cây cao su dưới nhiều hình thức, loại hình kinh doanh.

3.3.2. Đối với hộ trực tiếp trồng cây cao su tiểu điền

- Cần phải xác định rõ lợi ích lâu dài mang lại từ cây cao su. Phải xác định vai trò làm chủ thực sự trên diện tích cao su của mình để có thể chủ động đầu tư, nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây.

- Chấp hành tốt quy trình kỹ thuật trồng cây cao su và hướng dẫn của cán bộ khuyến nông để vườn cây phát triển tốt cho năng suất mủ ổn định và bền vững.

- Luôn có sự giao lưu trao đổi kinh nghiệm sản xuất giữa những người dân trồng cao su tiểu điền để hoạt động sản xuất mang lại hiệu quả cao.

KẾT LUẬN

Gia lai là tỉnh nằm ở phía bắc Tây Nguyên có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, trong đó phát triển cây cao su được xác định là cây trồng chủ lực bên cạnh các cây trồng như cà phê, hồ tiêu. Sự phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia lai đã góp phần thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm, định canh định cư đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số.

Việc phát triển diện tích cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết và đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời góp phần tăng cường an ninh quốc phòng, đặc biệt là vùng biên giới.

Thông qua đề tài ***"Phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia Lai"***, tác giả muốn đóng góp một số ý kến đề xuất nhằm phát triển cây cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Do đề tài nghiên cứu rộng, phức tạp, bản thân tác giả còn nhiều hạn chế, chắc chắn trên góc độ nào đó luận văn còn khiếm khuyết. Tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các đồng nghiệp và các bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực này để công trình nghiên cứu được tiếp tục hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!